| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN ĐÔNG HẢI**<br>**TỈNH BẠC LIÊU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 21/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 28/02/2025
(V/v Tranh chấp xin ly hôn)

# NHÂN DANH
## NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HẢI - TỈNH BẠC LIÊU

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lưu Hải Đăng
*Các hội thẩm nhân dân:*
1/. Ông Nguyễn Văn Tịnh
2/. Ông Lê Văn Lil

***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Mộng Nghi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải tham gia phiên tòa***: Ông Phan Văn Dựa, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hải xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 570/2024/TLST - HN ngày 28 tháng 11 năm 2024 về việc "tranh chấp xin ly  hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

**1/. Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị B,** sinh năm 1995

Địa chỉ: Ấp M, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu

**2/. Bị đơn: anh Thái Văn D,** sinh năm 1997

Địa chỉ: Ấp M, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu

*(Chị B có đơn xin vắng mặt, anh D vắng mặt không lý do)*

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 28/11/2024 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng cưới nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A vào ngày 14/3/2018 và đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Nguyên nhân ly hôn theo chị B xác định: thời gian đầu sống chung với nhau thì cuộc sống vợ chồng rất hạnh phúc. Nhưng thời gian sau cuộc sống của vợ chồng ngày càng căng thẳng, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. vợ chồng anh chị đã ly thân gần 7 năm. Tuy đã có thời gian hàn gắn để vợ chồng cùng nhau lo cho con nhưng không có kết quả. Nay xét thấy cuộc sống hôn

nhân không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài nên chị yêu cầu ly hôn.

Về quan hệ con chung: chị Nguyễn Thị B xác định thời gian chung sống vợ chồng anh chị có 01 người con chung tên Thái Thị Ngọc Y, sinh ngày: 24/7/2018. Khi ly hôn, chị B đồng ý giao con chung cho anh Thái Văn D nuôi dưỡng và không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: chị B xác định vợ chồng không có tài sản chung cũng không có nợ chung nên không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

Đối với anh Thái Văn D: Mặc dù anh D đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập làm việc và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh D vẫn không đến Tòa án để làm việc theo nội dung giấy triệu tập của Tòa án, và cũng không có lý do chính đáng. Do đó, Tòa án sẽ tiến hành giải quyết vắng mặt đối với anh D theo đúng trình tự quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của nguyên đơn là đúng theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn anh Thái Văn D chấp hành chưa nghiêm theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung vụ án: giữa chị B và anh D kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nhưng do thời gian chung sống anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn không hàn gắn được, cuộc sống chung đã không còn hạnh phúc, tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị B được ly hôn với anh D là phù hợp với quy định của pháp luật;

Về con chung: Từ lúc chị B và anh D ly thân thì người con là Thái Thị Ngọc Y, sinh ngày: 24/7/2018 sống cùng với anh D đến nay. Anh D vẫn đảm bảo về điều kiện nuôi con và sự phát triển của con sau này, đồng thời chị Nguyễn Thị B cũng đồng ý giao con chung cho anh D nuôi dưỡng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung là Thái Thị Ngọc Y, sinh ngày 24/7/2018 và cho anh D được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục là phù hợp.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con do anh D không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Khi ly hôn chị B và anh D không đặt ra yêu cầu, nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí thì chị B phải chịu theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị B có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về việc tranh chấp ly hôn với anh D. Anh D có địa chỉ cư trú tại huyện Đ. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Đông Hải.

Chị B có đơn yêu cầu được vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm. Căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị B.

Anh D đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng anh D vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh D.

[2] Về nội dung vụ án: giữa chị B và anh D kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, đã được Ủy ban nhân dân xã A cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 14/3/2018 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị B đối với anh D thì Hội đồng xét xử thấy rằng: mục đích của hôn nhân là để tạo dựng một gia đình hạnh phúc, vợ chồng phải biết yêu thương, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau, giúp đỡ nhau cùng nhau tiến bộ. Nhưng thời gian chung sống chị B và anh D lại không làm được, mà còn phát sinh nhiều mẫu thuẫn không thể hàn gắn lại được. Anh chị cũng đã ly thân trong nhiều tháng qua. Trong thời gian này cả hai anh chị đều không có biện pháp cụ thể nào để thể hiện anh chị muốn hàn gắn lại với nhau, anh chị không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Điều này chứng tỏ cuộc sống vợ chồng của chị B và anh D là không thể hàn gắn lại được, cuộc sống chung đã không còn hạnh phúc, tình trạng hôn nhân của anh chị đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị B đối với anh D là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về nuôi con chung: Từ lúc chị B và anh D ly thân thì người con là Thái Thị Ngọc Y, sinh ngày 24/7/2018 sống cùng với anh D đến nay. Anh D vẫn đảm bảo về điều kiện nuôi con và sự phát triển của con sau này, đồng thời chị Nguyễn Thị B đồng ý giao con chung cho anh D nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử giao

người con là Thái Thị Ngọc Y, sinh ngày 24/7/2018 cho anh D được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục là phù hợp.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con do anh D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: chị B và anh D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp, được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận,

Vì các lẽ nêu trên,

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị B; Xử cho chị Nguyễn Thị B được ly hôn với anh Thái Văn D.

2/. Về nuôi con chung: giao người con là Thái Thị Ngọc Y, sinh ngày 24/7/2018 cho anh D được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục

Anh D không yêu cầu chị B phải cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Chị B có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

3/. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không đặt ra xem xét giải quyết.

4/. Về án phí hôn nhân và gia đình: chị Nguyễn Thị B phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0010815 ngày 28 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hải.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho chị Nguyễn Thị B và anh Thái Văn D biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh BL
- VKSND huyện Đông Hải
- THA huyện Đông Hải
- UBND xã An Phúc

- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án;

**Lưu Hải Đăng**